TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:59/2024/DS - PT

Ngày: 25-3-2024

"V/v: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng dân sự vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**

Các Thẩm phán: ông **Lê Tự**

ông **Đinh Phước Hoà.**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Nguyễn Phương Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Yêu cầu tuyên bố hợp đồng dân sự vô hiệu"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS - ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3012023/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: khu phố B, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Võ Ngọc M - Luật sư thuộc Văn phòng L; địa chỉ: D B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bị đơn: bà Phan Thị Phương T; địa chỉ trước khi xuất cảnh: khu phố T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị H; địa chỉ: khu phố B, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/11/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S *trình bày:*

Do có sự quen biết, đầu tháng 02 năm 2022, chị Phan Thị Phương T đặt vấn đề với chị S là chị T sẽ làm thủ tục cho chị S sang Singapore để kết hôn và định cư, chi phí chị S phải chịu toàn bộ là 65.000 SGD (Đô la Singapore). Trong đó, chị S phải đưa trước 20.000 SGD và 3000 SGD tiền cưới, còn lại 42.000 SGD sau khi kết hôn thành công với đối tượng chị T chọn, chị S phải tiếp tục thanh toán mỗi tháng 2.500 SGD cho chị T đến khi thanh toán xong.

Trong thời gian từ tháng 02 đến tháng 4 năm 2022, sau khi trao đổi qua lại bằng tin nhắn, chị S nhờ mẹ là bà Trần Thị H chuyển tiền cho chị T nhiều lần tổng cộng 1.014.000.000 đồng; cụ thể: Ngày 24/02/2022 chuyển 100 triệu đồng; ngày 04/3/2022 chuyển 322 triệu đồng; ngày 08/3/2022 chuyển 267 triệu đồng và ngày 07/4/2022 chuyển 325 triệu đồng.

Sau khi nhận đủ tiền, chị T làm thủ tục đưa chị S sang Singapore dưới dạng du lịch, visa được cấp 01 tháng (từ ngày 07/4/2022 đến 04/5/2022). Khi đến Singapore, chị S mới biết chị T không thực hiện những gì đã cam kết nên chị S đã tự trở về Việt Nam.

Do chị T đã cố tình gian dối trong giao dịch, chị S yêu cầu:

+ Tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng miệng giữa chị S với chị Phan Thị Phương T;

+ Buộc chị Phan Thị Phương T trả lại cho chị S số tiền đã nhận 1.014.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ngày 10/01/2023, tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, chị S thay đổi yêu cầu: Sau khi trừ chi phí cho chị S ở lại Singapore gần 01 tháng, thì chị S yêu cầu chị T trả lại 850.000.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/9/2023, nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Ngọc M đề nghị Tòa án không sử dụng các tài liệu, chứng cứ do mẹ của bị đơn giao nộp để làm căn cứ xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Phương T *không nộp văn bản trình bày ý kiến trực tiếp cho Tòa án, mà chuyển qua mạng xã hội* Z *cho bà* Phan Thị H1 *(mẹ chị* T*). Văn bản trình bày ý kiến của chị* Phan Thị Phương T *do bà* H1 *giao nộp ngày 28/8/2023 đã được Tòa án lập Biên bản làm việc, bà* H1 *xác nhận nội dung chị* T *trình bày:*

Chị T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 17/2023/TB-TLVA ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (*do mẹ chị* T *là bà* Phan Thị H1 *nhận tại Tòa án*), chị T có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S như sau:

Vào cuối năm 2021, chị S sử dụng Facebook "*Mimi Sương*" nhắn tin cho chị T qua ứng dụng M1 đến tài khoản Facebook của chị T là "*Babie*", lúc đầu

làm quen (*mẹ chị* T *và mẹ chị* S *là bạn thân*), sau đó hỏi thăm chị T làm việc và sinh sống tại Singapore, chị S nhờ chị T tìm việc và mong muốn định cư tại Singapore. Chị T nói với chị S là rất khó vì chị T sang được Singapore là nhờ người yêu bảo lãnh. Nghe vậy, chị S nói hiện tại chị đang làm việc ở Đài Loan với mức lương thấp và nhờ chị T giúp tìm 1 người bên Singapore để chị S được bảo lãnh sang Singapore giống chị T.

Khoảng đầu năm 2022, chị T tìm cho chị S 1 người bạn nam chị T quen có quốc tịch Singapore và giới thiệu cho chị S làm quen, sau đó chị S và người bạn nam đó thường xuyên liên lạc với nhau, qua tìm hiểu một thời gian chị T biết người nam đó muốn kết hôn với chị S, nên chị S và bà Trần Thị H (*mẹ chị* S) đã chuyển cho chị T nhiều lần tổng số tiền 1.035.600.000 đồng với mục đích nhờ chị T chuẩn bị trước cho chị S sang. Cụ thể nhờ làm V, mua vé máy bay, thuê nhà, đổi Đô la Singapore vì thời gian đó giá Đô la giảm. Trong số tiền đó, chị T đã giúp chị S làm Visa, mua vé máy bay, khi sang Singapore đưa đi làm đẹp và thuê nhà cho chị S ở. Số tiền còn lại chị T đã đổi sang Đô la Singapore 48.000 tương đương thời điểm đó khoảng 850.000.000 đồng, khi chị S sang, chị T đã chủ động đưa cho chị S để chị S lo chi phí đám cưới. Chị T không hiểu lý do gì, chị S ở từ ngày 07/4/2022 đến ngày 04/5/2022 thì tự ý bay về Việt Nam, không nói lý do cho chị T biết, để người bạn nam chị T giới thiệu cho chị S đến gây sự làm ảnh hưởng cuộc sống cũng như công việc của chị T.

Do đó, việc chị S chuyển tiền cho chị T là hoàn toàn tự nguyện, nhờ chị T giúp chứ chị T không liên quan đến việc nhận tiền để lừa chị S, cũng như giữa chị T với chị S không có hợp đồng, thỏa thuận gì cả, do quen biết nên mới giúp đỡ, nên việc chị S khởi kiện yêu cầu chị T trả lại tiền cho chị S là hoàn toàn không có căn cứ.

Do bận công việc chị T không thể trực tiếp đến Tòa án để tham gia vụ án được, mọi giấy tờ mẹ chị T sẽ nhận thay và xin được vắng mặt trong các phiên làm việc, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H *không có trình bày ý kiến bằng văn bản.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 27/09/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 122, 127, 131 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S về tuyên bố hợp đồng dân sự bằng lời nói giữa chị Nguyễn Thị S với chị Phan Thị Phương T vô hiệu và buộc chị Phan Thị Phương T phải trả lại cho chị Nguyễn Thị S số tiền 850.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo đối với toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án để xét xử sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn chị Phan Thị Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung: Trước khi khi khởi kiện vụ án dân sự tại Toà án, ngày 09/8/2022 chị Nguyễn Thị S đã làm Đơn tố giác chị Phan Thị Phương T có hành vi "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q. Qua quá trình điều tra, lấy lời khai và đối chất, ngày 09/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-VPCQCSĐT về việc không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác của chị Nguyễn Thị S.

Do không lấy được lời khai của các đương sự nên Toà án cấp sơ thẩm thu thập được từ Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q thể hiện: xuất phát từ mối quan hệ bạn bè thân thiết giữa bà Trần Thị H (là Mẹ chị S) với bà Phan Thị H1 (là Mẹ chị T) vào khoảng đầu tháng 01/2022, chị S đang ở Đài Loan thì bà H gọi điện thoại nói bà Phan Thị H1 là bạn thân bà có con gái là Phan Thị Phương T đang làm việc tại Singapore có mức lương cao ổn định và đưa Facebook của chị T cho chị S liên lạc. Chị S sử dụng tài khoản *"Sương* M2" nhắn tin cho chị T đến tài khoản của chị T là "*Babie*", nội dung chủ yếu nhờ chị T tìm kiếm việc làm ở Singapore.

[3] Về số tiền 1.035.600.000 đồng: Theo các Biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, chị T thừa nhận đã nhận số tiền 1.035.000.000 đồng từ chị S và bà H. Lời khai của chị S tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2022 cũng thống nhất đã chuyển số tiền 1.035.000.000 đồng. Chị T và chị S đều thống nhất trong số tiền đó có 21.000.000 đồng chị S chuyển cho chị T ngày 11/01/2022 để chị T đăng ký Apply visa, trước khi đăng ký chị T có nói "*đăng ký trường hợp này có thể bị rớt và mất đi số tiền này*" nhưng chị S vẫn đồng ý đăng ký. Nên số tiền này, chị S không có ý kiến gì, và chỉ tính số tiền còn lại đã chuyển là 1.014.000.000 đồng.

[4] Đối với bà Trần Thị H trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q: trong thời gian từ ngày 24/02/2022 đến ngày 07/4/2022, bà H đã chuyển cho chị T 04 lần tổng số

tiền 1.014.600.000 đồng, nguồn gốc số tiền này do bà H vay ngân hàng với mục đích cho con gái. Đề nghị Cơ quan Công an giúp để cho chị S lấy lại số tiền 940.000.000 đồng.

[5] Về kết quả đối chất giữa chị T và chị S ngày 30/9/2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q: chị S cho rằng số tiền chuyển cho chị T là do chị T đưa ra thông tin giúp chị S kết hôn và định cư tại Singapore với số tiền 65.000 đô la Singapore, thông tin này 2 bên gọi điện và nhắn tin qua ứng dụng Messenger. Chị T không đồng ý với trình bày của chị S và cho rằng chị không đưa ra thông tin gì, do hai gia đình thân thiết nên chỉ giới thiệu cho S người bạn nam với mục đích cho S làm quen để người này bảo lãnh S qua Singapore giống chị T. Mục đích chị S chuyển tiền cho chị T là nhờ đăng ký Apply visa, làm đẹp, mua vé máy bay, bảo hiểm bay, thuê nhà, đổi Đô la Singapore…

[6] Chị Nguyễn Thị S trình bày tại Biên bản ghi lời khai 10/11/2022: ngày 08/4/2022, chị S bay sang Singapore, thời hạn lưu trú đến ngày 08/5/2022 nhưng chị S đã hủy hôn nên ngày 04/5/2022 chị S bay về Việt Nam. Lý do hủy hôn do thấy công việc tại Singapore rất khó khăn, bất đồng ngôn ngữ.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại, Hội đồng xét xử nhận thấy: do có mối quan hệ quen biết, sau khi chị S nhờ thì chị T nhận lời giúp chị S sang làm việc và định cư tại Singapore bằng cách giới thiệu cho chị S một người bạn nam của chị T ở Singapore để chị S làm quen, nếu được thì tiến đến hôn nhân. Sau khi chị T giới thiệu thì giữa chị S và người bạn nam đó nói chuyện làm quen, chị T gửi cho chị S đường link để chị S điền thông tin đăng ký kết hôn với người chị T giới thiệu và định ngày cụ thể để kết hôn. Như vậy, giữa chị S và chị T không có hợp đồng, không có thỏa thuận ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc chị S chuyển tiền nhờ chị T đăng ký Apply visa, làm đẹp, mua vé máy bay, bảo hiểm bay, thuê nhà, đổi Đôla S1, tìm người để giới thiệu cho chị S làm quen tiến tới kết hôn và sang được Singapore chị T đã thực hiện xong. Đối với chị S do thấy công việc tại Singapore rất khó khăn, không phù hợp, bất đồng ngôn ngữ, chị S tự ý hủy hôn và trở về lại Việt Nam, không phải lỗi của chị T, Cơ quan điều tra cũng đã xác định chị T không có lỗi. Do đó, đây không phải là hợp đồng dân sự bằng lời nói và chị T cũng không có hành vi gian dối. Chị S kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới để xem xét làm thay quyết định của bản án sơ thẩm nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 122, Điều 127 và Điều 131 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS - ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S về tuyên bố hợp đồng dân sự bằng lời nói giữa chị Nguyễn Thị S với chị Phan Thị Phương T vô hiệu và buộc chị Phan Thị Phương T phải trả lại cho chị Nguyễn Thị S số tiền 850.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.210.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000552 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị S được hoàn trả lại số tiền 20.910.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000021 ngày 31/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị ;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông